**Nội dung học Tiếng Việt Lớp 4 tuần 21 (Tập đọc và LTVC)**

**TẬP ĐỌC TIẾT 41**

**Bài đọc**

**Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa**

  Trần Đại Nghĩa tên thật là Phạm Quang Lễ, quê ở tỉnh Vĩnh Long. Sau khi học xong bậc trung học ở Sài Gòn, năm 1935, ông sang Pháp học đại học. Ông theo học cả ba ngành kĩ sư cầu cống, kĩ sư điện và kĩ sư hàng không. Ngoài ra, ông còn miệt mài nghiên cứu kĩ thuật chế tạo vũ khí.

   Năm 1946, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, ông rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài, theo Bác Hồ về nước. Ông được Bác Hồ đặt tên mới là Trần Đại Nghĩa và giao nhiệm vụ nghiên cứu chế tạo vũ khí phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trên cương vị Cục trưởng Cục Quân giới, ông đã cùng anh em miệt mài nghiên cứu, chế ra những loại vũ khí có sức công phá lớn như ba-dô-ca, súng không giật, bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc.

   Bên cạnh những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng, Giáo sư Trần Đại Nghĩa còn có công lớn trong xây dựng nền khoa học trẻ tuổi của nước nhà. Nhiều năm liền, ông giữ cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước.

   Những cống hiến của Giáo sư Trần Đại Nghĩa được đánh giá cao. Năm 1948, ông được phong Thiếu tướng. Năm 1952, ông được tuyên dương Anh hùng Lao động. Ông còn được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý.

*Theo*TỪ ĐIỂN NHÂN VẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Sách Tiếng Việt tập 2 trang 21)

**Chú thích:**

- Anh hùng lao động: danh hiệu Nhà nước phong tặng đơn vị hoặc người có thành tích đặc biệt trong lao động.

- Tiện nghi: các vật dùng cần thiết giúp cho sinh hoạt hằng ngày được thuận tiện, thoải mái.

- Cương vị: vị trí công tác, chức vụ.

- Cục Quân giới: cơ quan phụ trách việc chế tạo, cung cấp vũ khí cho quân đội.

- Cống hiến: đóng góp có giá trị.

- Sự nghiệp: công việc lớn, có ích lợi chung.

- Quốc phòng: bảo vệ đất nước.

- Huân chương: vật làm bằng kim loại, đeo trước ngực làm dấu hiệu cho phần thưởng lớn được nhà nước trao tặng cho người có công.

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH**

**1. Hướng dẫn đọc:**

- Đọc lưu loát toàn bài văn, ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, giữa các cụm từ.

- Cần đọc đúng phát âm các từ: nghiên cứu, súng ba-dô-ca.

- Giọng đọc: Rõ rang, chậm rãi, giọng tự hào

- Hướng dẫn ngắt giọng ở câu dài.

Ông được Bác Hồ đặt tên mới là Trần Đại Nghĩa / và giao nhiệm vụ nghiên cứu / chế tạo vũ khí phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Luyện đọc diễn cảm: Đoạn 2 (nhấn giọng ở các từ gạch chân)

   Năm 1946, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, ông rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài, theo Bác Hồ về nước. Ông được Bác Hồ đặt tên mới là Trần Đại Nghĩa và giao nhiệm vụ nghiên cứu chế tạo vũ khí phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trên cương vị Cục trưởng Cục Quân giới, ông đã cùng anh em miệt mài nghiên cứu, chế ra những loại vũ khí có sức công phá lớn như ba-dô-ca, súng không giật, bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc.

2. Hướng dẫn chia đoạn

- Đoạn 1: Từ đầu ........ chế tạo vũ khí.

(Nội dung: Giới thiệu quá trình học tập của nhà khoa học Trần Đại Nghĩa trước năm 1946)

- Đoạn 2: Từ Năm 1946 ........lô cốt của giặc.

- Đoạn 3: Từ Bên cạnh những cống hiến .............Kĩ thuật Nhà nước.

(Nội dung đoạn 2 và đoạn 3: Những đóng góp của Giáo sư Trần Đại Nghĩa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc).

- Đoạn 3: Phần còn lại.

(Nội dung: Nhà nước đánh giá cao những cống hiến của Giáo sư Trần Đại Nghĩa)

Dùng bút chì đánh dấu vào SGK các em nhé!

**3. Đọc kĩ nội dung bài đọc và trả lời nội dung sau đây em nhé!**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

Câu 1. Bài đọc tôn vinh Trần Đại Nghĩa với danh hiệu gì?

A. Anh hùng Lao động

B. Anh hùng Cứu quốc

C. Anh hùng Vũ trang

D. Anh hùng Giải phóng dân tộc

 Câu 2. Trần Đại Nghĩa sinh ra ở đâu?

A. Vĩnh Long

B. Sài Gòn

C. Bạc Liêu

D. Hà Nội

Câu 3. Em hiểu “nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc” nghĩa là gì?

A. Là thể hiện lòng yêu nước bằng cách đem sức mình cứu Tổ quốc.

B. Là nghe theo lời khuyên, lời dạy bảo của thế hệ đi trước.

C. Là nghe theo tiếng gọi tâm linh từ các thế lực siêu nhiên

D. Là nghe lời cha mẹ, sống gắn bó với gia đình, người thân.

Câu 4. Trần Đại Nghĩa đã có hành động như thế nào khi “nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc”?

A. Rời bỏ quê hương, bôn ba nước ngoài để tìm con đường cứu nước.

B. Rời xa gia đình, tích cực học hỏi để cống hiến cho đất nước.

C. Rời bỏ cuộc sống tiện nghi ở nước ngoài, theo Bác Hồ về nước.

D. Rời bỏ đất nước để không chịu bom đạn của chiến tranh.

 Câu 5. Trần Đại Nghĩa ***không*** chế tạo loại vũ khí nào dưới đây?

A. Súng thần công

B. Bom bay

C. Súng không giật

D. Bô-dô-ca.

Câu 6. Đóng góp của ông Trần Đại Nghĩa cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc thuộc lĩnh vực nào?

A. Ngoại giao

B. Khoa học

C. Kinh tế

D. Văn hóa

**PHẦN TỰ LUẬN:**

1. Vì sao ông lại có thể rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài để về nước?

2. Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có đóng góp gì to lớn cho cuộc kháng chiến?

3. Những cống hiến của ông Trần Đại Nghĩa đã được nhà nước đánh giá thế nào?

***EM HÃY ĐỌC THẬT LƯU LOÁT VÀ DIỄN CẢM CHO NGƯỜI THÂN NGHE NHÉ!***

**GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**NỘI DUNG CHÍNH:**

**Ca ngợi Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước.**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **A** | **C** | **A** | **B** |

**PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1:** . Vì sao ông lại có thể rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài để về nước?

Em đọc đoạn 2 và đoạn 3

**Gợi ý:**

Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, ông đã rời bỏ cuộc sống tiện nghi ở nước ngoài, theo Bác Hồ về nước.

**Câu 2**. . Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có đóng góp gì to lớn cho cuộc kháng chiến?

Em đọc đoạn 2 và đoạn 3

**Gợi ý:**

- Trên cương vị Cục trưởng Cục Quân giới, ông đã cùng anh em nghiên cứu, chế tạo ra những loại vũ khí có sức công phá lớn: súng ba- dô- ca, súng không giật, bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc.

**Câu 3**. Những cống hiến của ông Trần Đại Nghĩa đã được nhà nước đánh giá thế nào?

Em đọc đoạn 4

**Gợi ý:**

- Năm 1948, ông được phong Thiếu tướng

- Năm 1952, ông được tuyên dương Anh hung Lao động.

- Ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý.

**TẬP ĐỌC**

**Bài đọc**

**Tiết 42: Bè xuôi sông La​**

Bè ta xuôi sông La

Dẻ cau cùng táu mật

Muồng đen và trai đất

Lát chun rồi lát hoa.

Sông La ơi sông La

Trong veo như ánh mắt

Bờ tre xanh im mát

Mươn mướt đôi hàng mi.

Bè đi chiều thầm thì

Gỗ lượn đàn thong thả

Như bầy trâu lim dim

Đằm mình trong êm ả

Sóng long lanh vẩy cá

Chim hót trên bờ đê.

Ta nằm nghe, nằm nghe

Giữa bốn bề ngây ngất

Mùi vôi xây rất say

Mùi lán cưa ngọt mát

Trong đạn bom đổ nát

Bừng tươi nụ ngói hồng

Đồng vàng hoa lúa trổ

Khói nở xòa như bông.

 **VŨ DUY THÔNG**

**Chú thích:**

- Sông La: con sông thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

- Dẻ cau, táu mật, muồng đen, trai đất, lát chun, lát hoa: tên các loại gỗ quý.

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH**

**1. Hướng dẫn đọc:**

- Đọc lưu loát toàn bài văn, ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, giữa các cụm từ.

- Cần đọc đúng phát âm các từ: táu mật, muồng đen, mươn mướt, ngây ngất

- Giọng đọc: Rõ ràng, chậm rãi, nhẹ nhàng

2. Hướng dẫn chia đoạn

- Đoạn 1: 9 câu đầu

- Đoạn 2: 5 câu tiếp theo

- Đoạn 3: 8 câu còn lại.

**Em cần học thuộc lòng bài thơ nhé!**

**2. Đọc kĩ nội dung bài đọc và trả lời nội dung sau đây em nhé!**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

Câu 1. Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của con sông nào?

A. Sông Cầu

B. Sông Hậu

C. Sông La

D.Sông Lô

 Câu 2. Tác giả miêu tả con sông La như thế nào?

A. Hiền hòa, đỏ nặng phù sa.

B. Giận dữ và đục ngầu.

C. Đẹp và thơ mộng.

D. Lộng lẫy và kiêu sa.

Câu 3. Chiếc bè gỗ xuôi sông La được ví với cái gì?

A. Bầy trâu

B. Đôi hàng mi

C. Đàn chim

D. Cái lược

Câu 4. Cách so sánh bè gỗ như bầy trâu có gì hay?

A. Khiến hình ảnh thơ trở nên thô và sai lệch.

B. Khiến hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa sinh động.

C. Khiến hình ảnh thơ vừa trừu tượng vừa rườm rà.

D. Khiến hình ảnh con trâu xấu xí.

 Câu 5. Câu thơ “Trong đạn bom đổ nát / Bừng tươi nụ ngói hồng” nói lên điều gì?

A.Trải qua chiến tranh, đau thương, đổ nát, chỉ còn lại vài mảnh ngói, nếp nhà.

B. Trải qua chiến tranh, con người vẫn đứng dậy xây dựng quê hương giàu đẹp.

C.Trải qua chiến tranh, đau thương, đổ nát, vẫn tìm thấy ánh sáng của sự sống.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 6.Thông tin trong dòng nào dưới đây không đúng về bài thơ?

A. Sông La còn có tên gọi khác là sông Hồng.

B. Con sông La nằm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

C. Bài thơ do Vũ Duy Thông sáng tác.

D. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp con sông và con người sông La.

**PHẦN TỰ LUẬN:**

1. Sông La đẹp như thế nào?

2. Chiếc bè gỗ được ví với cái gì ? Cách nói ấy có gì hay ?

3. Vì sao đi trên bè, tác giả lại nghĩ đến mùi vôi xây, mùi lán cưa và những mái ngói hồng ?

***EM HÃY ĐỌC THẬT LƯU LOÁT VÀ DIỄN CẢM CHO NGƯỜI THÂN NGHE NHÉ!***

**GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**NỘI DUNG CHÍNH:**

**Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La**

**Nói lên tài năng, sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng quê hương, đất nước, bất chấp bom đạn kẻ thù.**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **Đáp án** | **C** | **C** | **A** | **B** | **B** | **A** |

**PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1:** . Sông La đẹp như thế nào?

Em cần đọc kĩ đoạn 1 và đoạn 2

**Gợi ý:**

Nước sông La trong veo như ánh mắt. Hai bên bờ, hàng tre xanh mướt như đôi hàng mi. Sóng nước long lanh dưới nắng như từng lớp vảy cá. Người đi bè trên sông La nghe vang vọng tiếng chim hót trên bờ đê.

**Câu 2**. Chiếc bè gỗ được ví với cái gì ? Cách nói ấy có gì hay ?

Em cần đọc kĩ đoạn thơ thứ 2.

**Gợi ý:**

- Chiếc bè gỗ được ví: Như bầy trâu lim dim/ Đằm mình trong êm ả

Cách ví von này hay ở chỗ nó thể hiện cảnh bè gỗ trên sông hiên lên cụ thể, sống động. Nó gợi ra một không khí thanh bình, yên ả của một vùng quê tươi đẹp

**Câu 3**. Vì sao đi trên bè, tác giả lại nghĩ đến mùi vôi xây, mùi lán cưa và những mái ngói hồng ?

**Gợi ý:**

- Đi trên bè, tác giả nghĩ tới mùi vôi xây, mùi lán cưa và những ngói hồng vì bè này là bè gỗ khai thác được từ trên rừng, được chuyên chở về miền xuôi để phục vụ việc xây dựng nhà cửa và để làm ra các vật dụng cần thiết cho cuộc sống.

 **LUYỆN TỪ VÀ CÂU LỚP 4**

**Tiết 41: CÂU KỂ AI THẾ NÀO ? (Sách TV trang 23)**

**I. Nhận xét**

**1. Đọc đoạn văn đã cho.**

Bên đường, cây cối xanh um. Nhà cửa thưa thớt dần. Đàn voi bước đi chậm rãi. Chúng thật hiền lành. Người quản tượng ngồi vắt vẻo trên chú voi đi đầu. Anh trẻ và thật khỏe mạnh. Thỉnh thoảng, anh lại cúi xuống như nói điều gì đó với chú voi.

**2. Tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong các câu ở trong đoạn văn trên.**

**Gợi ý:**

Con đọc kĩ lại đoạn văn, tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của các sự vật: "cây cối", "nhà cửa", "chúng" (đàn voi), "anh" (người quản tượng)?

**Trả lời:**

Những từ cần tìm là những từ in nghiêng:

-  Cây cối xanh um.

-  Nhà cửa thưa thớt.

-  Chúng thật hiền lành.

-  Anh trẻ và thật khỏe mạnh.

**3. Đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được.**

**M: Cây cối thế nào?**

**Gợi ý:**

Con suy nghĩ và đặt câu cho phù hợp.

**Trả lời:**

Các câu hỏi cần đặt:

-  Cây cối thế nào?

-  Nhà cửa thế nào?

-  Chúng thế nào?

-  Anh thế nào?

Các em tự đặt thêm nhiều câu nhé!

**4. Tìm những từ ngữ chỉ các sự vật được miêu tả trong mỗi câu:**

**M: Cây cối xanh um**

**Gợi ý:**

Con tìm các sự vật chỉ người, con vật, cây cối, đồ vật,... được miêu tả trong đoạn văn.

**Trả lời:**

Đó là các từ: Cây cối, Nhà cửa; Chúng, Anh.

**5. Đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được:**

**M: Cái gì xanh um?**

**Gợi ý:**

Con đặt câu sao cho phù hợp với ngữ pháp và nội dung.

**Trả lời:**

Câu hỏi cần đặt:

-  Cái gì xanh um?

-  Cái gì thưa thớt?

-  Các con gì thật hiền lành?

-  Ai trẻ và thật khỏe mạnh

**II. Luyện tập**

**1. Đọc và trả lời các câu hỏi:**

Rồi những người con cũng lớn lên và lần lượt lên đường. Căn nhà trống vắng. Những đêm không ngủ, mẹ lại nghĩ về họ. Anh Khoa hồn nhiên, xởi lởi. Anh Đức lầm lì, ít nói. Còn anh Tịnh thì đĩnh đạc, chu đáo.

Theo Duy Thắng

**a)  Tìm các câu kể "Ai thế nào?" trong đoạn văn trên.**

**Gợi ý:**

Câu kể Ai thế nào? gồm hai bộ phận:

- Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì, con gì)?

- Vị ngữ trả lời cho câu hỏi: Thế nào?

**Trả lời:**

Đó là các câu:

-  Rồi những người con cũng lớn lên và lần lượt lên đường.

-  Căn nhà trống vắng.

-  Anh Khoa hồn nhiên, xởi lởi.

-  Anh Đức lầm lì, ít nói

-  Còn anh Tịnh thì đĩnh đạc, chu đáo.

**b + c) Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu vừa tìm:**

**Gợi ý:**

a) Phân tích cấu tạo câu, chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì, con gì)?

b) Phân tích cấu tạo câu, vị ngữ trả lời cho câu hỏi: Thế nào?

**Trả lời:**

-  Rồi những người con // cũng lớn lên và lần lượt lên đường.

                    CN                            VN

-  Căn nhà // trống vắng.

      CN               VN

-  Anh Khoa // hồn nhiên, xởi lởi.

       CN                VN

-  Anh Đức // lầm lì, ít nói.

      CN               VN

-  Còn anh Tịnh // thì đĩnh đạc, chu đáo.

                 CN                         VN

**2. Kể về các bạn trong tổ em, trong đó có các câu kể "Ai thế nào?"**

**Gợi ý:**

Con kể về tính cách, đặc điểm của các bạn bằng các câu kể theo dạng Ai thế nào?

**Trả lời:**

**Bài làm tham khảo**

         Tổ em gồm mười bạn. Bạn Nam là tổ trưởng. Nam rất hoạt bát, năng nổ. Trí là tổ phó. Bạn ấy chậm rãi và chín chắn. Bá Hưng rất hiền lành. Còn Hải thì lém lỉnh nhất tổ. Thuỳ xinh xắn và dịu dàng. Lan sôi nổi, tháo vát. Ngọc thì nhu mì và nhút nhát. Tuy mỗi người mỗi tính cách nhưng chúng em đều chăm chỉ học hành và đoàn kết với nhau nên vẫn luôn được cô giáo khen ngợi.

**Luyện từ và câu**

**Tiết 42: VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI THẾ NÀO ? (Sách TV trang 29)**

**I. Nhận xét**

**1. Đọc đoạn văn sau:**

      Về đêm, cảnh vật thật im lìm. Sông thôi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều. Hai ông bạn già vẫn trò chuyện. Ông Ba trầm ngâm. Thỉnh thoảng ông mới đưa ra một nhận xét dè dặt. Trái lại, ông Sáu rất sôi nổi. Ông hệt như Thần Thổ Địa của vùng này.

Theo **Trần Mịch**

**2. Tìm các câu kể Ai thế nào? trong đoạn trên.**

**Gợi ý:**

Câu kể Ai thế nào? gồm hai bộ phận:

- Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì, con gì)?

- Vị ngữ trả lời cho câu hỏi: Thế nào?

**Trả lời:**

 Đó là các câu:

-   Về đêm, cảnh vật thật im lìm.

-   Sông thôi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều.

-   Ông Ba trầm ngâm.

-   Trái lại, ông Sáu rất sôi nổi.

-   Ông hệt như Thần Thổ Địa của vùng này.

**3. Xác định chủ ngữ vị ngữ trong các câu trên.**

**Gợi ý:**

Con đọc kĩ những câu đã tìm được ở câu 2 rồi xác định chủ ngữ và vị ngữ.

**Trả lời:**

-   Về đêm, cảnh vật / thật im lìm.

        TrN        CN             VN

-   Sông / thôi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều.

      CN                       VN

-   Ông Ba / trầm ngâm.

       CN           VN

-   Trái lại, ông Sáu / rất sôi nổi.

                   CN           VN

-   Ông / hệt như Thần Thổ Địa của vùng này.

     CN                             VN

**4. Vị ngữ trong các câu biểu thị nội dung gì?**

**Gợi ý:**

Em quan sát kĩ các vị ngữ và xác định xem chúng biểu thị nội dung gì?

**Trả lời:**

Chúng do những từ ngữ như thế nào tạo thành?

-    Vị ngữ trong các câu trên biểu thị đặc điểm, trạng thái hoặc tính chất của sự vật được nói đến ở chủ ngữ.

-    Các vị ngữ trên được tạo thành bởi các tính từ, động từ hoặc cụm tính từ.

**II. Luyện tập**

**1. Đọc và trả lời câu hỏi**

Cánh đại bàng rất khỏe. Mỏ đại bàng dài và rất cứng. Đôi chân của nó giống như cái móc hàng của cần cẩu. Đại bàng rất ít bay. Khi chạy trên mặt đất, nó giống như một con ngỗng cụ nhưng nhanh nhẹn hơn nhiều.

Theo **Thiên Lương**

**a)   Tìm các câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn**

**Gợi ý:**

a. Câu kể Ai thế nào? gồm hai bộ phận:

- Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi: Ai (cái gì, con gì)?

- Vị ngữ trả lời cho câu hỏi: Thế nào?

**Trả lời:**

Đó là các câu:

-     Cánh đại bàng rất khỏe.

-     Mỏ đại bàng dài và rất cứng.

-     Đôi chân của nó giống như cái móc hàng của cần cẩu.

-     Đại bàng rất ít bay.

-     Khi chạy trên mặt đất, nó giống như một con ngỗng cụ nhưng nhanh nhẹn hơn nhiều.

**b)   Xác định vị ngữ của các câu trên.**

**Gợi ý:**

b. Từ việc xác định được các câu kể Ai thế nào? tìm được ở câu a .

**Trả lời:**

Vị ngữ của các câu trên là:



**c)    Vị ngữ của các câu trên do những từ ngữ nào tạo thành?**

**Gợi ý:**

c. Từ việc tìm ra các vị ngữ ở câu b hãy xác định xem các vị ngữ này có đặc điểm gì?

**Trả lời:**

Vị ngữ của các câu trên do các tính từ, các cụm tính từ, cụm động từ tạo thành.

**2. Đặt 3 câu kể "Ai thế nào?". Mỗi câu tả một cây hoa mà em yêu thích.**

**Gợi ý:**

Em suy nghĩ và trả lời.

**Trả lời:**

-    Hoa hồng luôn rực rỡ.

-    Hoa giấy rất giản dị, hồn nhiên.

-    Hoa sen thì tinh khiết và thơm ngát.

TẬP LÀM VĂN

**Tiết 42: CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI**

**(Sách TV trang 30)**

**I. Nhận xét**

**1. Đọc bài sau đây. Xác định các đoạn văn và nội dung mỗi đoạn.**

***Bãi ngô***

         Bãi ngô quê em ngày càng xanh tốt. Mới dạo nào những cây ngô còn lấm tấm như mạ non. Thế mà chỉ ít lâu sau, ngô đã thành cây rung rung trước gió và ánh nắng. Những lá ngô rộng dài, trổ ra mạnh mẽ, nõn nà.

         Trên ngọn, một thứ búp như kết bằng nhung và phấn vươn lên. Những đàn bướm trắng, bướm vàng bay đến, thoáng đỗ rồi bay đi. Núp trong cuống lá, những búp ngô non nhú lên và lớn dần. Mình có nhiều khía vàng vàng và những sợi tơ hung hung bọc trong làn áo mỏng óng ánh.

          Trời nắng chang chang, tiếng tu hú gần xa ran ran. Hoa ngô xơ xác như cỏ may. Lá ngô quắt lại rủ xuống. Những bắp ngô đã mập và chắc, chỉ còn chờ tay người đến bẻ mang  về.

**Gợi ý:**

Con đọc kĩ đoạn văn để xác định nội dung.

**Trả lời:**

Bài văn có ba đoạn

a)    Đoạn 1: (Từ đầu đến "mạnh mẽ, nõn nà”).

Đoạn này giới thiệu chung về sự phát triển mau chóng, mạnh mẽ của bãi ngô.

b)   Đoạn 2: (Từ "Trên ngọn" đến "óng ánh").

Đoạn này miêu tả sự ra hoa trổ bắp của cây ngô.

c)    Đoạn 3: (Phần còn lại)

Đoạn này tả cảnh bãi ngô đã già, bắp ngô đã chắc hạt, sẵn sàng cho mùa thu hoạch.

**2. Đọc lại bài Cây mai tứ quý (sách Tiếng Việt 4, tập hai, trang 23). Trình tự miêu tả trong bài ấy có điểm gì khác bài Bãi ngô?**

**Cây mai tứ quý**

        Cây mai cao trên hai mét, dáng thanh, thân thẳng như thân trúc. Tán tròn tự nhiên xòe rộng ở phần gốc, thu dần thành một điểm ở đỉnh ngọn. Gốc lớn bằng bắp tay, cành vươn đều, nhánh nào cũng rắn chắc.

         Mai tứ quý nở bốn mùa. Cánh hoa vàng thẫm xếp làm ba lớp. Năm cánh dài đỏ tía như ức gà chọi, đỏ suốt từ đời hoa sang đời kết trái. Trái kết màu chín đậm, óng ánh như những hạt cườm đính trên tầng áo lá lúc nào cũng xum xuê một màu xanh chắc bền.

         Đứng bên cây ngắm hoa, xem lá, ta thầm cảm phục cái mầu nhiệm của tạo vật trong sự hào phóng và lo xa: đã có mai vàng rực rỡ góp với muôn hoa ngày Tết, lại còn có mai tứ quý cần mẫn, thịnh vượng quanh năm.

Theo Nguyễn Vũ Tiềm

**Gợi ý:**

Con đọc kĩ bài, xác định trình tự miêu tả rồi so sánh với bài Bãi ngô.

**Trả lời:**

Trình tự miêu tả trong bài ấy có gì khác bài Bãi ngô.

-     Bài Cây mai tứ quý cũng gồm có ba phần nhưng phần đầu tả chung về dáng dấp cây mai; đoạn hai tả hoa mai; đoạn ba nói lên cảm xúc của người ngắm hoa xem lá mai.

-      Bài Bãi ngô cũng có ba đoạn nhưng viết theo sự phát triển cùa cây ngô: ngô non, ngô ra hoa trổ bắp, ngô đã già.

**3. Từ cấu tạo của hai bài văn trên rút ra nhận xét về cấu tạo của một bài văn miêu tả cây cối:**

**Gợi ý：**Em suy nghĩ và trả lời.

**Trả lời:**

Bài văn miêu tả cây cối thường có ba phần:

-    Phần đầu giới thiệu miêu tả chung về cây (mở bài).

-    Phần thứ hai đi sâu vào miêu tả một hay nhiều bộ phận của cây hoặc nói về các giai đoạn phát triển quan trọng của cây (thân bài).

-     Phần kết bài: có thể nêu lợi ích, vẻ đẹp của cây hoặc cảm xúc của người viết.

**II. Luyện tập**

**1. Đọc bài văn sau và cho biết cây gạo được miêu tả theo trình tự như thế nào?**

**Cây gạo**

       Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân, cành nặng trĩu những hoa đỏ mọng và đầy tiếng chim hót. Chỉ cần một làn gió nhẹ hay một đôi chim mới đến là có ngay mấy bông gạo lìa cành. Những bông hoa rơi từ trên cao, đài hoa nặng chúi xuống, những cánh hoa đỏ rực quay tít như chong chóng nom thật đẹp.

      Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những ngày tưng bừng ồn ã, lại trở về với dáng vẻ xanh mát, trầm tư. Cây đứng im cao lớn, hiền lành, làm tiêu cho những con đò cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ.

      Ngày tháng đi thật chậm mà cũng thật nhanh. Những bông hoa đỏ ngày nào đã trở thành những quả gạo múp míp, hai đầu thon vút như con thoi. Sợi bông trong quả đầy dần, căng lên; những mảnh vỏ tách ra cho các múi bông nở đều, chín như nồi cơm chín đội vung mà cười, trắng lóa. Cây gạo như treo rung rinh hàng ngàn nồi cơm gạo mới.

*Theo* Vũ Tú Nam

**Gợi ý:**

Con xác định xem bài văn cây gạo được miêu tả theo trình tự nào trong một trong hai trình tự sau:

- Tả từng bộ phận của cây.

- Tả từng thời kì phát triển của cây.

**Trả lời:**

Bài Cây gạo được miêu tả theo trình tự sau dãy:

Phần một: Cây gạo vào mùa trổ hoa.

Phần hai: Cây gạo sau mùa hoa.

Phần ba: Quả gạo lớn lên và tách vỏ nở bông.

**2. Lập dàn ỷ tả một cây ăn quả quen thuộc theo một trong hai cách đã học.**

**a. Tả lần lượt từng bộ phận của cây**

**b. Tả lần lượt từng thời kì phát triển của cây**

**Gợi ý:**

Con quát sát rồi sắp xếp các chi tiết mình quan sát được theo từng trình tự đã cho.

**Trả lời:**

**Dàn ý chi tiết**

**1)  Mở bài:**

Cây cam đường ở trước sân nhà em đang vào mùa quả ngọt.

-    Đây là loài cây em thích nhất.

**2)  Thân bài:**

a)  Tả bao quát:

- Gốc cây to bằng bắp chân người lớn. Thời gian đã khoác lên thân cây chiếc áo nâu sần sùi, bạc phếch

- Dáng cây nghiêng nghiêng, tỏa nhiều cành.

- Những cành có nhiều quả thì cong oằn xuống.

- Tán lá dày, xanh thẫm.

- Lá cam không to lắm, có mùi thơm như lá chanh, lá bưởi.

- Lá già dày, màu xanh đậm.

- Lá non mềm mại, màu xanh non.

- Hoa nhỏ màu trắng trông thanh khiết.

- Quả cam thường kết từng chùm

- Quả non màu xanh.

- Quả chín màu vàng và rất mọng

Bóc quả cam sẽ lộ ra từng múi nhỏ giống như những vầng trăng khuyết.

- Những vầng trăng khuyết ấy xếp đều trong những quả cam chín vàng ươm trông như “ông trăng vàng” be bé đang ngự trị trên cây.

Trên cành cao thường có những chú chim sâu “lích rích”

Chim đưa chiếc mỏ xinh xắn để bắt những con sâu đang ẩn nấp trong thân, cành.

**3)  Kết bài**

Cây cam đã làm tăng vẻ đẹp cho sân nhà em.

-  Cam đem đến cho gia đình em những mùa quả ngọt.

-  Em rất quí cây cam vì nó có ích và chứa đựng mồ hôi, công sức của bố em.

-  Em luôn chăm sóc cho cây cam để nó mãi mãi xanh tươi.